

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt T và ông Trần Văn T

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Khánh L - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chủ Thị Thu H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu T, T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Chủ Duy B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu T, T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chủ Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Chủ Duy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2020 tại UBND T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu T, T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà

thuận, hạnh phúc được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 1 năm 2021 chị và anh B sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Trần Duy B*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã triệu tập hợp lệ nhưng anh B đều vắng mặt nên không thu thập được quan điểm của anh B.

3, *Tại B bản lấy lời khai ngày 09/8/2024 ông Trần Duy L (bố đẻ anh B) trình bày*: Chị H và anh B có mối quan hệ quen biết, chị H đã về nhà ông chơi một vài lần. Nhưng ông và không biết việc chị H và anh B kết hôn hay chung sống với nhau như thế nào nên ông không liên quan đến việc ly hôn giữa chị H và anh B. Hiện nay anh B đi làm thỉnh thoảng vẫn về thăm ông, anh B đi làm ông không rõ địa chỉ, không cung cấp địa chỉ cho Tòa án được. Ông có nghe anh B nói không đến Tòa án làm việc do không muốn ly hôn với chị H. Các văn bản tố tụng ông từ chối không nhận thay anh B do không muốn liên quan đến việc chị H xin ly hôn anh B.

4, *Qua xác minh tại UBND T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 13/6/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị Chủ Thị Thu H và anh Trần Duy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2020 tại UBND T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị ở tại khu T, T, huyện Cẩm Khê. Địa phương có biết việc chị H và anh B xảy ra mâu thuẫn, sau đó sống ly thân nhưng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn do công dân không báo cáo. Chị H và anh B không có con chung. Nay chị H xin ly hôn anh B, quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51,

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chủ Thị Thu H được ly hôn anh Trần Duy B.

Về con chung: Chị H anh B không có con chung chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chủ Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại khu T, T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chủ Thị Thu H và anh Trần Duy B kết hôn ngày 18/9/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân giữa chị H và anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị H, ông Liên bố anh B và việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B tại UBND T thì xác định được Hôn nhân của chị H và anh B đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Hiện nay chị H và anh B đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để anh B đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt, thể hiện anh B không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh B không có con chung chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chữ Thị Thu H được ly hôn anh Trần Duy B.

[2]. Về con chung: Chị H và anh B không có con chung chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Chữ Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo B lai số 0004892 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND T;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Dũng